

Bài 2: GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ HÀNG HÓA (C/O)

GVBS: NGUYỄN THỊ THÚY LOAN



CONTENT

- ❖ Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa
- ❖ Phân loại CO
- ❖ Cách điền mẫu CO form E

C/O – GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ

- C/O (Certificate of origin) là giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa và được hưởng ưu đãi thuế khi nhập khẩu nếu CO thuộc các nước nằm trong hiệp hội được hưởng ưu đãi.

→ Do bên xuất khẩu làm, nhập khẩu hưởng và bắt buộc phải sử dụng C/O bản gốc.

❖ **C/O do**

Phòng thương mại (VCCI)

Bộ Công Thương cấp.

Xin cấp chứng nhận CO

Hệ thống quản lý và cấp chứng nhận xuất xứ điện tử


Bộ công thương:

<https://ecosys.gov.vn/Homepage/HomePage.aspx>

VCCI

<http://comis.covcci.com.vn/>

C/O | PHÂN LOẠI

Có 2 loại C/O:  C/O ưu đãi. (do bộ công thương cấp).
C/O không ưu đãi. (do VCCI cấp).

C/O ưu đãi.

Loại C/O này thì người xuất khẩu làm C/O , người nhập khẩu được hưởng C/O về thuế. Có các loại như sau:

- C/O form A : có 29 nước thuộc GSP trên thế giới chấp nhận
- C/O form D : ASEAN khác. (ATIGA)
- C/O form E : Asean – China
- C/O form AK, VK
- C/O form AJ, VJ
- C/O form AANZ
- CO form AI

- CO Form VC : Vietnam Chile
- CO form S : Vietnam Lào
- CO form X: Vietnam Campuchia
- CO form EV : EVFTA
- CO form AHK: Asean Hongkong
- CO form EAV : Liên minh Á Âu (Nga..)


- Form Không ưu đãi :
 - + B (Bình thường -> Chứng minh xuất xứ hàng hóa)
 - + Mexico
 - + T (Textile – dệt may)
 - + ICO (international Coffee + A/B)


HƯỚNG DẪN XIN CẤP C/O

Để xin cấp C/O, hồ sơ gồm có:

- Tờ khai hải quan.
- Hợp đồng.
- Invoice.
- Packing list.
- Bill of lading.
- Bảng quy trình sản xuất.
- Nếu nguyên vật liệu được nhập về thì cần tờ khai nhập khẩu.
- Form CO

HS code

- Harmonized commodity description and coding system = HS code . **Hệ thống mô tả và mã hóa hàng hóa 1 cách hài hòa.**
 - Hiểu nôm na : 1 mỗi hàng hóa thì được mô tả và mã hóa các các con số.
 - **Hải quan thế giới WCO** = World Customs Organization.
 - Phần => **Chương (02 số)** => **Nhóm (04)** => **Phân nhóm (06).**
 - Phần 1,2,3,...
- 

- Harmonized commodity description and coding system = HS code . **Hệ thống mô tả và mã hóa hàng hóa 1 cách hài hòa.**
 - Hiểu nhầm na : 1 mỗi hàng hóa thì được mô tả và mã hóa các các con số.
 - **Hải quan thế giới WCO** = World Customs Organization.
 - Phần => **Chương (02 số)** => **Nhóm (04)** => **Phân nhóm (06).**
 - Phần 1,2,3,..
- 

HS code

➤ Chương 01, 02, 03.....98 (gồm 2 con số). **Mỗi chương nói nhóm hàng hóa khác nhau.**

➤ Ví dụ: Chương 01 : Động vật sống

Chương 02 : Thủy sản..

Chương 39. Sản phẩm nhựa

Chương 40. Cao su. .

Chương 84. Máy móc

.....



HS code

- Chia nhỏ **Chương** thành các **nhóm**. Sau đó, các **nhóm** được chia thành các **phân nhóm** nhỏ hơn.
- Ví dụ: Chương 01 : Động vật sống => Chia thành 6 nhóm.
- 0101. Ngựa, lừa, la sống
- 0102. Động vật sống họ trâu bò.
- 0103. Lợn sống.
- 0104. Cừu, dê sống.
- 0105. Gia cầm sống,
- 0106. Động vật sống khác.

RVC (Region Value Contain)

1. RVC được tính theo công thức sau:

$$RVC = \frac{FOB - VNM}{FOB} \times 100\%$$

Trong đó:

RVC là hàm lượng giá trị khu vực được thể hiện bằng tỷ lệ phần trăm.

VNM là trị giá nguyên liệu không có xuất xứ.

Gà loại 1: 70-80	
Gà công nghiệp : 50k	HS code của sản phẩm đầu ra: 160232
Gà : 35k - 40k	
khô gà xé cay	
	CC : Chuyển đổi ở cấp 2 số (Chương này sang chương khác)
	CTH : 4 số (nhóm này khác nhóm khác, cùng thuộc 1 chương)
	CTSH : 6 số (Phân nhóm này sang phân nhóm khác)

➤ Lưu ý:

+ không phải có CO ưu đãi là thuế xuống 0%.


+ Không phải cứ có CO ưu đãi là được hưởng ưu đãi giảm thuế. 1 số mã HS có CO nhưng thuế còn cao hơn bình thường

+ Không phải có CO ưu đãi ghi 0% là được hưởng 0%, mà CO phải hợp lệ.

+ Một số trường hợp ghi : “0 (-KR)” khi có CO form AK. => Không được hưởng ưu đãi.

(-PH), (-CN) (-TH) (-ID) (-LA) (-MM) (-MY)

FORM E

ASEAN-CHINA FREE TRADE AREA PREFERENTIAL TARIFF CERTIFICATE OF ORIGIN (Combined Declaration and Certificate)					
FORM E					
2. Products consigned to (Consignee's name, address, country) *****			Issued in <u>THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA</u> (Country) See Overleaf Notes		
3. Means of transport and route (as far as known) Departure date ***** Vessel's name / Aircraft etc. ***** Port of Discharge *****			4. For Official Use <input type="checkbox"/> Preferential Treatment Given <input type="checkbox"/> Preferential Treatment Not Given (Please state reason/s)		
----- Signature of Authorised Signatory of the Importing Party					
5. Item Number	6. Marks and numbers on packages	7. Number and type of packages, description of products (including quantity where appropriate and HS number in six digit code)	8. Origin criteria (see Overleaf Notes)	9. Gross weight or net weight or other quantity, and value (FOB) only when RVC criterion is applied	10. Number, date of Invoices
7		ONE (1) PLYWOOD BOX OF LA09 LEG PRESS H.S CODE: 9506.91	"PE"	289KGS G.W.	
8		ONE (1) CARTON OF H-021 SQUAT-RACK H.S CODE: 9506.91	"PE"	170KGS G.W.	
9		FOUR (4) PLYWOOD BOXES OF LY-89 EIGHT STATION H.S CODE: 9506.91 TOTAL PACKED IN TWENTY FOUR (24) PACKAGES (10 PLYWOOD BOXES+14 CARTONS) *** **	"PE"	1400KGS G.W.	
11. Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statement are correct; that all the products were produced in ----- CHINA (Country) and that they comply with the origin requirements specified for these products in the Rules of Origin for the ACFTA for the products exported to ----- VIET NAM (Importing Country) ----- Jinan, China, MAR. 04, 2020			12. Certification It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct.  ----- Jinan, China MAR. 04, 2020		
13. <input type="checkbox"/> Issued Retroactively <input type="checkbox"/> Movement Certificate			<input type="checkbox"/> Exhibition <input type="checkbox"/> Third Party Invoicing ----- Place and date, signature and stamp of certifying authority		

193756757

CO FORM E 3 BÊN

Đây là trường hợp CO được phát hành bởi bên thứ 3. Trong trường hợp này, CO phải đáp ứng 4 điều kiện.

1. Ô số 1: Phải thể hiện nhà sản xuất tại quốc gia tham gia ACFTA
2. Ô số 7: Trong ô đó phải có tên công ty phát hành hóa đơn. Tên nước cụ thể mà công ty phát hành đang đặt trụ sở để hoạt động.
3. Ô số 10: Số và ngày hóa đơn phải được ghi rõ chi tiết.
4. Ô số 13: Cần phải tick vào mục Third Party Invoicing

CO FORM E 3 BÊN

Đây là trường hợp CO được phát hành bởi bên thứ 3. Trong trường hợp này, CO phải đáp ứng 4 điều kiện.

STT	Ô số	Nội dung	Phân tích
1	Ô số 1	Tên công ty Xuất khẩu + địa chỉ + tên nước (SDT)	
2	Ô số 2	Tên công ty NK + địa chỉ + tên nước (SDT)	
3	Ô số 3	Phương tiện vận tải và tuyến đường	Ngày khởi hành : Lấy thông tin trên bill Tên tàu + số hiệu; Cảng dỡ hàng + tên nước Tuyến đường từ Tới.... Bởi
4	Ô số 4		
5	Ô số 5	Số thứ tự hàng hóa	
6	Ô số 6	Ghi chú	N/M = No mark
7	Ô số 7	Số và loại kiện, mô tả hàng hóa	Mô tả hàng hóa phải kèm theo HS code 6 số
8	Ô số 8		
9	Ô số 9	Trọng lượng toàn bộ (hoặc lượng khác) và giá trị FOB.	Ô số 9
10	Ô số 10	Số và ngày Invoice, chính là số liệu lấy từ Invoice	Ô số 10
11	Ô số 11	tên nước xuất khẩu (vd: CHINA), nhập khẩu (VIETNAM), địa điểm và ngày xin CO form E, cùng với dấu của công ty xin CO	Ô số 11
12	Ô số 12	Xác nhận Chữ ký của người được ủy quyền, dấu của tổ chức cấp CO, địa điểm và ngày cấp	Ô số 12
13	Ô số 13	Mật số lưu chọn, tích vào ô tương ứng nếu thuộc trường hợp đã	Ô số 13